

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

toà.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: ông **Nguyễn Thọ K**, chức vụ - Phó Giám đốc **Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E**, tỉnh Đắk Lắk, có mặt tại phiên toà.

Người kháng cáo: **Ủy ban nhân dân huyện E**, tỉnh Đắk Lắk.

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Người khởi kiện:

- *Nội dung Đơn khởi kiện, trình bày của bà **Đinh Thị L** và người đại diện theo Uỷ quyền ông **Nguyễn Như H** thể hiện:*

Năm 1994 gia đình bà **Đinh Thị L** khai hoang 01 lô đất khoảng 04 ha tại **thôn F, xã C** để trồng hoa màu. Đến năm 1997 bà **L** trồng Cà phê, một số cây ăn trái và xây dựng 01 căn nhà gỗ khoảng 50m² để ở. Năm 2011 gia đình bà tiếp tục trồng cây Bạch đàn xung quanh đất để làm ranh giới. Năm 2016 gia đình bà tiếp tục trồng thêm 600 cây Dừa. Ngày 05 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Văn phòng Đăng ký đất đai huyện E** ra Trích lục thửa đất số 49, diện tích 15.000m² và thửa đất số 35, diện tích 28.886,4m², loại đất trồng cây hàng năm khác. Ngày 09 tháng 8 năm 2017, Ủy ban nhân dân (UBND) **huyện E** ban hành Thông báo số 312 thu hồi thửa đất số 35 và số 49 của gia đình bà để thực hiện Dự án tái định canh, định cư Hồ chứa nước **Krông Pắc T1** tại **xã C, huyện E**. Ngày 14 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất **huyện E** tiến hành kiểm đếm tài sản trên đất của gia đình bà. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, **UBND huyện E** thu hồi và ban hành quyết định Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án **Hồ C, tỉnh Đắk Lắk**, trong đó thu hồi của gia đình bà **L** 43.886,4m² nhưng chỉ hỗ trợ đối với 15.000m² đất với số tiền 87.000.000 đồng. Bà **L** cho rằng, đất bà khai hoang từ năm 1994, sử dụng đất liên tục, canh tác và trồng cây trên đất nên phải được bồi thường về đất, bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất, được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do đó, bà **L** khởi kiện yêu cầu: huỷ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của **Ủy ban nhân dân huyện E**, tỉnh Đắk Lắk; buộc **UBND huyện E** phải ban hành quyết định Phê duyệt Phương án cho đúng quy định với những khoản mà bà **L** nêu trên.

- *Nội dung Đơn khởi kiện, trình bày của ông **Trần Văn T** và người đại diện theo Uỷ quyền ông **Nguyễn Như H** thể hiện:*

Năm 1994 gia đình ông **Trần Văn T** cùng bố mẹ vào Đắk Lắk sinh sống, có khai hoang diện tích đất tại **thôn F, xã C**. Năm 1999 ông **T** lập gia đình, được bố mẹ chia cho khoảng 6-7 ha đất, vợ chồng ông làm nhà gỗ để sinh sống trên thửa đất cho đến ngày bị thu hồi. Ngày 04, 05 tháng 8 năm 2017, Chi nhánh **Văn**

phòng Đăng ký đất đai huyện E ra Trích lục thửa đất số 17, 44, 45, 47, tờ bản đồ số 15, diện tích 58.528,6m², đất trồng cây lâu năm. Ngày 14 tháng 7 năm 2015, UBND huyện E ban hành Thông báo số 211 thu hồi thửa đất số 17, 22, 38, dự kiến diện tích thu hồi khoảng 79.713,3m² đất của gia đình ông để thực hiện Dự án tái định canh, định cư Hồ chứa nước Krông Păk T1 tại xã C, huyện E. Ngày 17 tháng 8 năm 2017, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện E tiến hành kiểm đếm tài sản trên đất của gia đình ông. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, UBND huyện E thu hồi và ban hành quyết định Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk, trong đó thu hồi và hỗ trợ cho gia đình ông T 45.276m² với số tiền 89.542.100 đồng. Ông T cho rằng, đất gia đình ông khai hoang từ năm 1994, sử dụng đất liên tục, canh tác và trồng cây trên đất nên phải được bồi thường về đất, bồi thường 100% giá trị tài sản trên đất, được hỗ trợ ổn định đời sống sản xuất, đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do đó, ông T khởi kiện yêu cầu: huỷ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk; buộc UBND huyện E phải ban hành quyết định Phê duyệt Phương án cho đúng quy định với những khoản mà ông T nêu trên.

2. Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện E trình bày:

Diện tích đất của bà L, ông T nằm trong diện tích đất Nhà nước giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý. Quá trình quản lý, sử dụng đất Lâm trường Ea Kar đã để các hộ dân lấn chiếm, sử dụng. Đến ngày 04 tháng 7 năm 2003, UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2107/QĐ-UBND thu hồi 2.672,3 ha đất của Lâm trường Ea Kar, giao về cho UBND huyện E quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có phần diện tích đất của bà L, ông T.

- Đối với hộ ông T:

Ngày 21 tháng 9 năm 2012, ngày 10 tháng 10 năm 2012 và ngày 22 tháng 11 năm 2012, UBND xã C đã lập Biên bản về việc vi phạm tự ý san ủi đất công do UBND xã quản lý. Diện tích đất 67.336,5m² của ông T gồm 11.830m² do bố mẹ ông T lấn chiếm trước năm 2006 (theo bản đồ hiện trạng của xã là đất trồng cây lâu năm) và sử dụng ổn định liên tục đến nay. Đến năm 2012 tiếp tục lấn chiếm thêm 55.170m² đất để trồng Cao su. Hiện trên đất có 3.330 cây Cao su trồng năm 2013, 100 cây Điều trồng năm 2014, 300 cây Quýt trồng năm 2014, 200 cây Keo trồng phân tán quanh lô đất năm 2013, 10 bụi Chuối.

Bồi thường về đất: ông T lấn chiếm đất của Lâm trường Ea Kar nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 82 Luật Đất đai.

Hỗ trợ về đất: diện tích 6,7 ha ông T lấn chiếm, canh tác sản xuất trên đất, có nguồn thu nhập trên đất, tuy nhiên không ổn định, việc thu hồi đất ít làm ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất và theo Công văn số 1706/UBND-NNMT ngày 15 tháng 3 năm 2017 của UBND tỉnh Đ, UBND huyện đã hỗ trợ khác cho hộ

gia đình ông T bằng 10% giá trị đất trong Bảng giá đất tại vị trí thu hồi theo khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39.

- Đối với hộ bà L:

Ngày 30 tháng 7 năm 2014, ngày 05 tháng 8 năm 2014 và ngày 08 tháng 6 năm 2015, UBND xã C lập Biên bản về việc vi phạm đất lấn chiếm trái phép. Diện tích đất 43.886,4m² của bà L có 1,5 ha bao chiếm và làm nhà trên đất trước năm 2006, hiện trạng đất trống, sử dụng đất không liên tục. Diện tích 28.8865,4m² bao chiếm năm 2015, trồng Dừa vào tháng 5 năm 2016.

Bồi thường về đất: bà L lấn chiếm đất của Lâm trường Ea Kar nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 82 Luật Đất đai.

Hỗ trợ về đất: diện tích 1,5 ha do lấn chiếm, gia đình bà L canh tác, sản xuất trực tiếp trên đất, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp trên diện tích đất này, nếu thu hồi sẽ ảnh hưởng đến đời sống nên UBND tỉnh hỗ trợ tối đa 30% theo khoản 3 Điều 23 Quyết định số 39.

3. Người làm chứng ông Nguyễn Quang D trình bày:

Năm 1998 ông đến cư trú sinh sống tại thôn A, xã E (nay là thôn A, xã C) đã thấy các hộ bà Đinh Thị L, ông Trương Đình C1, ông Mai Thanh L1, ông Lưu Hữu K1, ông Lương Hữu N khai hoang, canh tác, trồng cây Cà phê, cây Keo trên đất tại thôn A, xã C và chính là đất đã bị thu hồi để làm khu tái định cư. Sau này các hộ trồng cây Dừa, cây K2. Các hộ này sử dụng đất ổn định, liên tục.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 74; Điều 77; Điều 83; Điều 89; Điều 90 Luật Đất đai năm 2013. Điều 19; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần Đơn khởi kiện bà Đinh Thị L và ông Trần Văn T.

- Huỷ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ chứa nước Krông Pách thượng, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Đinh Thị L, hộ gia đình ông Trần Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định

Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà **Đinh Thị L**, hộ gia đình ông **Trần Văn T** theo quy định của pháp luật, cụ thể: bồi thường về đất; hỗ trợ về tài sản trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

2. Hội Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện **E**, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết Đơn khiếu nại của 12 hộ gia đình, cá nhân thường trú tại **thôn A, thôn F, buôn V, xã C và thôn E, thôn G, 7B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk** đối với phần giải quyết Đơn khiếu nại của hộ gia đình bà **Đinh Thị L** và hộ gia đình ông **Trần Văn T**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 07 tháng 6 năm 2024, **UBND huyện E**, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông **Nguyễn Như H** trình bày không rút Đơn khởi kiện. Ông **Lê Đình C** trình bày không rút Đơn kháng cáo. Các đương sự không thống nhất với nhau được về việc giải quyết vụ án.

Ông **Nguyễn Như H** trình bày: các hộ gia đình bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T** có canh tác, sử dụng đất ổn định từ năm 1993, 1994 không bị xử phạt vi phạm hành chính. Việc sử dụng đất trồng cây và có thu nhập từ việc canh tác này, do đó đủ điều kiện được bồi thường về đất. Trên đất của hai hộ có cây trồng như Cao su, Điều, **K2, Q, D1** nên được bồi thường. Trong khi đó, các hộ gia đình khác được bồi thường là không công bằng. Đề nghị chấp nhận Đơn khởi kiện của bà **L**, ông **T**.

Ông **Nguyễn Thụ K** trình bày: đề nghị tuyên hủy bản án sơ thẩm, vì hai hộ gia đình không đủ điều kiện để được bồi thường về đất. Năm 2011 có Dự án, năm 2012 các hộ dân san ủi chiếm đất công. Khi các hộ dân chiếm, tái chiếm đất đã bị lập nhiều Biên bản vi phạm (tuy nhiên Biên bản vi phạm này bị thất lạc). Đối chiếu các quy định của pháp luật thì hai hộ này không đủ điều kiện bồi thường về đất, tài sản trên đất, vì là đất lấn chiếm. Ông **C** không trình bày gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định

của Luật Tổ tụng hành chính. Kháng cáo của UBND huyện E và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hạn luật định. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà rút toàn bộ kháng nghị, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị.

Về nội dung vụ án: các đương sự không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới. Toà án cấp sơ thẩm quyết định: huỷ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất; buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định Phê duyệt Phương án hỗ trợ về đất đai, cây cối, hoa màu và tài sản khác gắn liền với đất khi Nhà nước thu hồi đất cho các hộ gia đình bà Đinh Thị L, ông Trần Văn T và huỷ Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết Đơn khiếu nại của 12 hộ gia đình, cá nhân thường trú tại thôn A, thôn F, buôn V, xã C và thôn E, thôn G, 7B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với phân giải quyết Đơn khiếu nại của hộ gia đình bà Đinh Thị L và hộ gia đình ông Trần Văn T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Sau khi nghe đương sự trình bày, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: ngày 07 tháng 6 năm 2024, UBND huyện E kháng cáo và ngày 30 tháng 5 năm 2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk kháng nghị phúc thẩm Bản án hành chính sơ thẩm số 76/2024/HC-ST ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, kháng cáo của UBND huyện E và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên toà xét xử phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên toà phát biểu rút toàn bộ kháng nghị phúc thẩm. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng nghị.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ngày 06 tháng 10 năm 2017, UBND huyện E ban hành Quyết định số 323/QĐ-UBND (Quyết định số 323) về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 15 tháng 01 năm 2018, UBND huyện E ban hành

Quyết định giải quyết Đơn khiếu nại số 35/QĐ-UBND (Quyết định số 35). Quyết định số 323 và Quyết định số 35 có liên quan đến diện tích đất, tài sản trên đất các hộ gia đình bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T** sử dụng.

Ngày 24 tháng 10 năm 2023, bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T** khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk giải quyết: hủy Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của **UBND huyện E**, tỉnh Đắk Lắk; buộc **UBND huyện E**, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà **Đinh Thị L**, hộ gia đình ông **Trần Văn T** theo quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án chứng minh được ngày 03 tháng 4 năm 2023 bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T** mới nhận Quyết định số 323 và Quyết định số 35. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng đối tượng khởi kiện, đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 30; Điều 32; Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Xét kháng cáo của **UBND huyện E**:

[3.1] Đối với yêu cầu bồi thường về đất:

Về nguồn gốc đất:

Diện tích đất các hộ gia đình bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T** sử dụng là đất rừng do lấn chiếm của Nhà nước đã giao cho Lâm trường Ea Kar quản lý, sử dụng. Ngày 04 tháng 7 năm 2003, **UBND tỉnh Đ** thu hồi 2.672,3 ha đất của Lâm trường Ea Kar và giao cho **UBND huyện E** quản lý theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, trong đó có phần diện tích đất của các hộ gia đình bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T**. Theo quy hoạch sử dụng đất của **xã C** giai đoạn 2006-2010 được **UBND huyện E** phê duyệt thì khu vực này được quy hoạch là đất nông nghiệp. Năm 2009, **Bộ N1** ban hành quyết định Phê duyệt Dự án đầu tư Hồ chứa nước **Krông Pách T2**. Ngày 17 tháng 12 năm 2012, **UBND tỉnh Đ** ban hành Quyết định số 2999/QĐ-UBND Phê duyệt quy hoạch chi tiết điểm tái định cư số 1 tại **thôn A, xã C, huyện E**.

Quá trình sử dụng đất của các hộ bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T**:

Diện tích đất các hộ bà **L**, ông **T** bị thu hồi đều có nguồn gốc do bà **L**, ông **T** khai hoang từ những năm 1994, 1995 và trồng cây Cao su, **Q**, Điều không bị lập Biên bản vi phạm, xử lý vi phạm về lấn chiếm đất. **UBND huyện E**, **UBND xã C** không cung cấp được các Biên bản vi phạm đối với hộ bà **Đinh Thị L**, ông **Trần Văn T** cho Tòa án. Hơn nữa, tại Biên bản làm việc ngày 30 tháng 7 năm 2014 của **UBND xã C** với hộ bà **L** thể hiện: bà **L** sử dụng đất từ năm 2004, trên đất trồng màu 03 cây Điều năm 2011; Báo cáo số 37 ngày 15 tháng 5 năm 2017 của **UBND xã C** xác nhận: hộ bà **Đinh Thị L** và ông **Trần Văn T** có trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập từ diện tích đất thu hồi; Biên bản xác minh ngày 27 tháng 6 năm 2016 của **UBND xã C** đối với hộ ông **Trần Văn T** có

nội dung: ông **T** khai nhận gia đình khai phá năm 1995 và sử dụng từ đó đến nay. Trên đất có 3.000 cây Cao su trồng năm 2011, 300 cây Quýt trồng năm 2015 và 100 cây Điều trồng năm 2015.

Ngày 14 tháng 7 năm 2015 và ngày 09 tháng 8 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành Thông báo số 312 thu hồi đất đối với hộ ông **Trần Văn T** và hộ bà **Đinh Thị L**. Ngày 06 tháng 10 năm 2017, **UBND huyện E** ban hành các Quyết định thu hồi đất số 776/QĐ-UBND, số 782/QĐ-UBND, số 781/QĐ-UBND đối với các hộ ông **Trần Văn T**, bà **Đinh Thị L** thể hiện là đất trồng cây hàng năm. Như vậy, sau khi **UBND tỉnh Đ** thu hồi đất của **Lâm trường E** giao địa phương quản lý thì các hộ ông **Trần Văn T**, bà **Đinh Thị L** đều trực tiếp sản xuất nông nghiệp ổn định, liên tục, không có tranh chấp, phù hợp quy hoạch sử dụng đất của **xã C** giai đoạn 2006-2010 được **UBND huyện E** phê duyệt. Hơn nữa, việc **UBND huyện E** ban hành các quyết định thu hồi đất và Thông báo thu hồi đất đối với các hộ ông **Trần Văn T**, bà **Đinh Thị L** là thừa nhận quyền sử dụng đất mà các hộ gia đình này quản lý, sử dụng. Hơn nữa, việc 02 hộ gia đình ông **Trần Văn T**, bà **Đinh Thị L** có sử dụng đất được những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng xác nhận.

Quy định của pháp luật:

Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về việc xử lý, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 quy định:

“2. Trường hợp sử dụng đất lấn, chiếm đã được Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh, Ban quản lý rừng, trung tâm, trạm, trại, công ty N2, lâm nghiệp thì thực hiện xử lý theo quy định như sau:

.....;

c) Trường hợp lấn, chiếm đất và nay đang sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở và không thuộc quy hoạch bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, xây dựng công trình hạ tầng công cộng thì người đang sử dụng đất được xem xét cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất”.

Ngày 03 tháng 10 năm 2016, **T3-Bộ T4** ban hành Công văn số 1927/TCQLĐĐ-CKTPTQĐ hướng dẫn giải quyết vướng mắc trong bồi thường, giải phóng mặt bằng (Công văn số 801/STNMT-GĐ&GPMB ngày 21 tháng 6 năm 2016 của **UBND tỉnh Đ** xin ý kiến **Bộ T4**) có nội dung: “Đối với trường hợp các hộ dân lấn chiếm, sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp hoặc làm nhà ở mà đất này đã được Nhà

nước giao đất không thu tiền sử dụng đất cho các nông trường, lâm trường quốc doanh trước đây, nay Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại Điều 61; Điều 62 của Luật Đất đai thì người sử dụng đất được bồi thường về đất”.

Hơn nữa, cùng một dự án, nguồn gốc đất bị thu hồi nhưng đối với một số hộ gia đình khác thì được UBND huyện E bồi thường về đất; còn các hộ ông Trần Văn T, bà Đinh Thị L thì không được hỗ trợ về đất là không công bằng. Do đó, UBND huyện E thu hồi đất đối với các hộ gia đình ông Trần Văn T, bà Đinh Thị L thì phải bồi thường về đất theo Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 là đúng pháp luật.

[3.2] Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm:

Như nội dung được phân tích tại tiểu mục [3.1] nêu trên, các hộ gia đình ông Trần Văn T, bà Đinh Thị L được bồi thường về đất bị thu hồi, nên được hỗ trợ ổn định đời sống, sản xuất và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm theo điểm a, b khoản 2 Điều 83 Luật Đất đai năm 2013.

[3.3] Đối với yêu cầu hỗ trợ về tài sản gắn liền trên đất:

Theo Biên bản kiểm tra, rà soát về đất, tài sản gắn liền với đất lập ngày 17 tháng 8 năm 2017 đối với hộ ông Trần Văn T và ngày 14 tháng 8 năm 2017 đối với hộ bà Đinh Thị L thể hiện: trên đất của ông T có cây Cao su, cây Điều, cây Quýt ghép đều trồng từ năm 2014, cây Keo trồng năm 2013; trên đất của bà L có cây Dừa lùn trồng năm 2016. Các tài sản này được tạo lập trước thời điểm có Thông báo thu hồi đất, do đó bà L, ông T được hỗ trợ về tài sản gắn liền trên đất theo khoản 4, khoản 5 Điều 23 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 12 năm 2019 của UBND tỉnh Đ.

[3.4] Đối với Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E:

Mặc dù quyết định này không bị khởi kiện, nhưng có liên quan đến quyết định hành chính bị kiện. Để giải quyết triệt để vụ án và tránh vướng mắc trong quá trình thi hành án, Tòa án cấp sơ thẩm quyết định hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch UBND huyện E đối với phần giải quyết Đơn khiếu nại của hộ gia đình bà Đinh Thị L và hộ gia đình ông Trần Văn T là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa xét xử phúc thẩm hôm nay, các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới. Căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự và nội dung đã được phân tích tại mục [1], [2] và [3] nêu trên, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm thấy rằng kháng cáo của UBND huyện E là không có căn cứ. Bác kháng cáo của UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện E phải chịu theo quy định

của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng Điều 229 Luật Tổ tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính. Bác kháng cáo của UBND huyện E, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194; khoản 1 Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính. Điều 74; Điều 77; Điều 83; Điều 89; Điều 90 Luật Đất đai năm 2013. Điều 19; Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ. Khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

3.1. Chấp nhận một phần Đơn khởi kiện bà Đinh Thị L và ông Trần Văn T.

- Huỷ Quyết định số 323/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc Phê duyệt Phương án hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất xây dựng công trình khu tái định canh, định cư thuộc Dự án Hồ C, tỉnh Đắk Lắk đối với hộ bà Đinh Thị L, hộ gia đình ông Trần Văn T.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk phải ban hành quyết định Phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất đối với hộ gia đình bà Đinh Thị L, hộ gia đình ông Trần Văn T theo quy định của pháp luật, cụ thể: bồi thường về đất; hỗ trợ về tài sản trên đất; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

3.2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 35/QĐ-UBND ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk về việc giải quyết Đơn khiếu nại của 12 hộ gia đình, cá nhân thường trú tại thôn A, thôn F, buôn V, xã C và thôn E, thôn G, 7B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk đối với phần giải quyết Đơn khiếu nại của hộ gia đình bà Đinh Thị L và hộ gia đình ông Trần Văn T.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện E phải chịu 300.000đ, được trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012927 ngày 25 tháng 6 năm 2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng

ngộ có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Nguyễn Tấn Long

Võ Thị Ngọc Dung

Trần Quốc Cường

